

Số/No. 87.../2025/SBB

(Công bố thông tin Báo cáo tài chính
riêng và hợp nhất giữa niên độ năm
2025, kết thúc tại ngày 30/06/2025)

(Information disclosure of Separate and
Consolidated Interim Financial Statements
for the Six-Month period ended June 30, 2025)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 09 năm 2025

Ho Chi Minh City, September 24, 2025

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH
PERIODIC DISCLOSURE OF FINANCIAL STATEMENTS**

Kính gửi: **Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**
To: Hanoi Stock Exchange (HNX)

Thực hiện quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Bia Sài Gòn - Bình Tây thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) năm 2024 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

Complying with the provisions of Clauses 3 and 4, Article 14 of Circular No. 96/2020/TT-BTC dated November 16th, 2020 of the Ministry of Finance guiding information disclosure on the stock market, Saigon Binh Tay Beer Group Joint Stock Company would like to disclose the financial statements year 2024 with Hanoi Stock Exchange as follows:

1. Tên Công ty: Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Bia Sài Gòn - Bình Tây

Name of Organization: Saigon Binh Tay Beer Group Joint Stock Company

– Mã chứng khoán: SBB

Stock code: SBB

– Địa chỉ: 08 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Sài Gòn, TP.HCM, Việt Nam

Address: 08 Nam Ky Khoi Nghia, Ward Sai Gon, HCMC, Vietnam

– Điện thoại/Tel:

Fax:

– Email: info@sabibeco.com

2. Nội dung thông tin công bố/ Content of information disclosure:

– **BCTC giữa niên độ năm 2025/Financial Statements for haft year 2025**

☒ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

Separate Financial Statements (Listed organizations has no subsidiaries and superior accounting units have affiliated units);

☒ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

Consolidated Financial Statements (Listed organizations has subsidiaries)

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng);

General Financial Statements (Listed organizations has an accounting unit directly under its own accounting system);

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

Cases in which the cause must be explained:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm):

The auditing organization expresses an opinion that is not a fully accepted opinion for financial statements (for audited financial statements in ..)

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/ *Explanatory documents in case of integration:*

☐ Có

☒ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm...):

Profit after tax in the reporting period has a difference before and after the audit of 5% or more, converted from loss to profit or vice versa (for audited financial statements in)

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/ *Explanatory documents in case of integration:*

☒ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo có thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có

☐ Không

The profit after corporate income tax in the business performance statement of the reporting period change by 10% or more compared to the same period of the previous year

☒ Yes

☐ No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/ *Explanatory documents in case of integration:*

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☒ Có

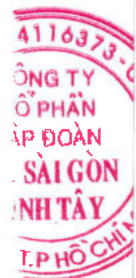
☐ Không

The profit after tax in the reporting period suffered a loss, converted from profit in the same period last year to a loss in this period or vice versa:

☒ Yes


☐ No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/ *Explanatory documents in case of integration:*



Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty tại đường dẫn:
<https://sabibeco.com/quan-he-co-dong/>

This information was published on the company's website at the link: <https://sabibeco.com/shareholder/>

 **Đại diện tổ chức/Representative**
Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT
Legal representative/Disclosure Authorization




Lee Chio Lim Larry

Tài liệu đính kèm:

- BCTC riêng giữa niên độ năm 2025/
*Separate Interim Financial Statements
for the Six-Month Period Ended June 30,
2025*
- BCTC hợp nhất giữa niên độ năm
2025/ *Consolidate Interim Financial
Statements for the Six-Month Period
Ended June 30, 2025*





**Saigon Binh Tay Beer Group
Joint Stock Company**

Separate Interim Financial Statements
for the six-month period ended 30 June 2025



Saigon Binh Tay Beer Group Joint Stock Company Corporate Information

Enterprise Registration Certificate No.

0304116373

25 November 2005

The Company's Enterprise Registration Certificate has been amended several times, the most recent of which is by Enterprise Registration Certificate No. 0304116373 dated 11 March 2025. The Enterprise Registration and its amendments were issued by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City.

Board of Directors

Mr. Tan Teck Chuan Lester	Chairman (from 20 February 2025)
Mr. Van Thanh Liem	Chairman (until 20 February 2025)
Mr. Lam Du An	Vice Chairman (from 20 February 2025)
Mr. Van Thao Nguyen	Vice Chairman (until 20 February 2025)
	Member (from 20 February 2025)
Mr. Dinh Quang Hai	Member
Ms. Pham Thi Thanh Thuy	Member (from 20 February 2025)
Mr. Dinh Van Thuan	Member (until 20 February 2025)
Mr. Pham Tan Loi	Member (until 20 February 2025)
Mr. Dang Thai	Member (until 18 July 2024)
Mr. Nguyen Tien Dung	Member (until 18 July 2024)

Board of Management

Mr. Lee Chio Lim Larry	General Director (from 1 March 2025)
Mr. Nguyen Huy Canh	General Director (from 16 December 2024 to 1 March 2025)
Mr. Nguyen Manh Hung	Deputy General Director
Mr. Van Thao Nguyen	Deputy General Director (until 1 March 2025)
Ms. Van Bao Ngoc	Deputy General Director (until 1 March 2025)

Board of Supervisors

Mr. Nguyen Van Hoa	Head of the Board of Supervisors (from 20 February 2025)
Mr. Van Ba Nam	Member (until 20 February 2025) Head of the Board of Supervisors (until 20 February 2025)
Ms. Bui Thi Thai Ha	Member
Ms. Mai Do Minh Van	Member (from 20 February 2025)

Legal Representative

Mr. Tan Teck Chuan Lester	(from 20 February 2025)
Mr. Van Thanh Liem	(until 20 February 2025)

Registered Office

08 Nam Ky Khoi Nghia
Sai Gon Ward
Ho Chi Minh City
Vietnam

Auditor

KPMG Limited Branch
Vietnam

Saigon Binh Tay Beer Group Joint Stock Company Statement of the Board of Management

The Board of Management of Saigon Binh Tay Beer Group Joint Stock Company ("the Company") presents this statement and the accompanying separate interim financial statements of the Company for the six-month period ended 30 June 2025.

The Board of Management is responsible for the preparation and true and fair presentation of the separate interim financial statements in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Accounting System for enterprises and the relevant statutory requirements applicable to interim financial reporting. In the opinion of the Company's Board of Management:

- (a) the separate interim financial statements set out on pages 5 to 43 give a true and fair view of the unconsolidated financial position of the Company as at 30 June 2025, and of its unconsolidated results of operations and its unconsolidated cash flows for the six-month period then ended in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Accounting System for enterprises and the relevant statutory requirements applicable to interim financial reporting; and
- (b) at the date of this statement, there are no reasons to believe that the Company will not be able to pay its debts as and when they fall due.

The Board of Management has, on the date of this statement, authorised the accompanying separate interim financial statements for issue.

On behalf of the Board of Management



Lee Chio Lim Larry
General Director

Ho Chi Minh City, 24 September 2025



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

INTERIM FINANCIAL STATEMENTS REVIEW REPORT

To the Shareholders

Saigon Binh Tay Beer Group Joint Stock Company

We have reviewed the accompanying separate interim financial statements of Saigon Binh Tay Beer Group Joint Stock Company ("the Company"), which comprise the separate balance sheet as at 30 June 2025, the separate statements of income and cash flows for the six-month period then ended and the explanatory notes thereto which were authorised for issue by the Company's Board of Management on 24 September 2025, as set out on pages 5 to 43.

Management's Responsibility

The Company's Board of Management is responsible for the preparation and true and fair presentation of these separate interim financial statements in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Accounting System for enterprises and the relevant statutory requirements applicable to interim financial reporting, and for such internal control as the Board of Management determines is necessary to enable the preparation of separate interim financial statements that are free from material misstatement, whether due to fraud or error.

Auditor's Responsibility

Our responsibility is to express a conclusion on these separate interim financial statements based on our review. We conducted our review in accordance with Vietnamese Standard on Review Engagements 2410 – *Review of interim financial information performed by the independent auditor of the entity*.

A review of interim financial information consists of making inquiries, primarily of persons responsible for financial and accounting matters, and applying analytical and other review procedures. A review is substantially less in scope than an audit conducted in accordance with Vietnamese Standards on Auditing and consequently does not enable us to obtain assurance that we would become aware of all significant matters that might be identified in an audit. Accordingly, we do not express an audit opinion.



Basis for Qualified Conclusion

The Company did not recognise in the separate interim financial statements for the six-month period ended 30 June 2024 the impact of the tax penalty related to the unpaid taxes of a subsidiary of VND49,371 million that was not recognised on that subsidiary's interim financial statements for the six-month period ended 30 June 2024. Had the Company recognised the impact of this tax penalty, allowance for diminution in the value of long-term financial investments and accumulated losses reported in the separate balance sheet as at 30 June 2024; and financial expenses and net loss after tax reported in the separate statement of income for the six-month period ended 30 June 2024 would have been increased by VND49,371 million. The conclusion of the predecessor auditor on the separate interim financial statements for the six-month period ended 30 June 2024 was qualified accordingly for this matter. Our conclusion on the separate interim financial statements for the six-month period ended 30 June 2025 is also qualified for the effects of this matter on the comparability of the current period's figures and the corresponding figures presented in the separate statements of income and cash flows.

Qualified Conclusion

Based on our review, except for the effects of the matter described in the Basis for Qualified Conclusion paragraph, nothing has come to our attention that causes us to believe that the accompanying separate interim financial statements do not give a true and fair view, in all material respects, of the unconsolidated financial position of Saigon Binh Tay Beer Group Joint Stock Company as at 30 June 2025 and of its unconsolidated results of operations and its unconsolidated cash flows for the six-month period then ended in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Accounting System for enterprises and the relevant statutory requirements applicable to interim financial reporting.

Other Matters

The separate financial statements of the Company for the year ended 31 December 2024 were audited by another firm of auditors whose report dated 31 March 2025 expressed an unmodified audit opinion on those statements, with an emphasis of matter on the retrospective adjustments of the comparative figures related to the understatement of allowance for diminution in the value of long-term financial investments.

The separate interim financial statements of the Company for the six-month period ended 30 June 2024 were reviewed by another firm of auditors whose conclusion dated 21 October 2024 expressed a qualified conclusion on those statements for the effects of the matter described in the Basis for Qualified Conclusion paragraph.

KPMG Limited Branch

Vietnam

Review Report No.: 25-01-00585-25-1



Trần Tích Quyên

Practicing Auditor Registration

Certificate No. 4629-2023-007-1

Deputy General Director

Ho Chi Minh City, 24 September 2025

Nelson Rodriguez Casihan

Practicing Auditor Registration

Certificate No. 2225-2023-007-1



Saigon Binh Tay Beer Group Joint Stock Company
Separate balance sheet as at 30 June 2025

Form B 01a – DN

*(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)*

	Code	Note	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
ASSETS				
Current assets (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		875,316,192,184	639,359,300,668
Cash	110	8	49,515,094,424	14,607,708,916
Accounts receivable – short-term	130		722,903,469,150	491,598,010,020
Accounts receivable from customers	131	9	304,003,294,580	225,343,128,077
Prepayments to suppliers	132		716,243,933	1,004,939,621
Loans receivable	135	10	364,000,000,000	220,000,000,000
Other short-term receivables	136	11	54,431,030,521	45,497,042,206
Allowance for doubtful debts	137		(247,099,884)	(247,099,884)
Inventories	140	12(a)	101,522,737,988	131,829,936,597
Inventories	141		112,886,545,372	131,829,936,597
Allowance for inventories	149		(11,363,807,384)	-
Other current assets	150		1,374,890,622	1,323,645,135
Short-term prepaid expenses	151		537,806,456	486,560,969
Taxes receivable from State Treasury	153		837,084,166	837,084,166

The accompanying notes are an integral part of these separate interim financial statements

Saigon Binh Tay Beer Group Joint Stock Company
Separate balance sheet as at 30 June 2025 (continued)

Form B 01a – DN

*(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)*

	Code Note	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Long-term assets (200 = 210 + 220 + 250 + 260)	200	1,075,544,266,272	1,275,392,115,654
Accounts receivable – long-term	210	16,000,000	16,000,000
Other long-term receivables	216	16,000,000	16,000,000
Fixed assets	220	544,181,370,104	581,991,243,346
Tangible fixed assets	221 13	480,371,543,171	517,301,135,497
Cost	222	2,034,629,406,468	2,032,368,570,086
Accumulated depreciation	223	(1,554,257,863,297)	(1,515,067,434,589)
Intangible fixed assets	227 14	63,809,826,933	64,690,107,849
Cost	228	85,758,649,990	85,758,649,990
Accumulated amortisation	229	(21,948,823,057)	(21,068,542,141)
Long-term financial investments	250	486,899,145,862	628,065,312,180
Investments in subsidiaries	251 15(a)	837,487,284,146	978,653,450,464
Investments in associates	252 15(b)	40,000,000,000	240,605,263,158
Equity investments in other entities	253 15(c)	222,772,113,158	22,166,850,000
Allowance for diminution in the value of long-term financial investments	254 15(d)	(613,360,251,442)	(613,360,251,442)
Other long-term assets	260	44,447,750,306	65,319,560,128
Long-term prepaid expenses	261 16	40,453,597,693	51,370,855,907
Long-term tools, supplies and spare parts	263 12(b)	3,994,152,613	13,948,704,221
TOTAL ASSETS (270 = 100 + 200)	270	1,950,860,458,456	1,914,751,416,322

The accompanying notes are an integral part of these separate interim financial statements

Saigon Binh Tay Beer Group Joint Stock Company
Separate balance sheet as at 30 June 2025 (continued)

Form B 01a – DN

(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

	Code Note	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
RESOURCES			
LIABILITIES (300 = 310)	300	498,894,315,383	509,756,383,212
Current liabilities	310	498,894,315,383	509,756,383,212
Accounts payable to suppliers	311 17	88,402,461,328	51,383,093,940
Advances from customers	312	23,986,433,017	10,059,556,344
Taxes payable to State Treasury	313 18	187,407,173,974	134,670,077,249
Payables to employees	314	6,238,246,847	8,501,043,255
Accrued expenses	315 19	3,700,747,732	3,238,543,111
Other payables	319 20	5,164,581,647	4,704,574,447
Short-term borrowings	320 21	181,164,991,597	297,157,402,011
Bonus and welfare fund	322 22	2,829,679,241	42,092,855
EQUITY (400 = 410)	400	1,451,966,143,073	1,404,995,033,110
Owners' equity	410 23	1,451,966,143,073	1,404,995,033,110
Share capital	411	875,245,360,000	875,245,360,000
- Ordinary shares with voting rights	411a 24	875,245,360,000	875,245,360,000
Share premium	412	436,708,750,464	436,708,750,464
Investment and development funds	418 25	-	408,385,929,337
Retained profits/(accumulated losses)	421	140,012,032,609	(315,345,006,691)
- Retained profits brought forward	421a	93,040,922,646	7,124,313,322
- Retained profit for the current period/ loss for the prior year	421b	46,971,109,963	(322,469,320,013)
TOTAL RESOURCES (440 = 300 + 400)	440	1,950,860,458,456	1,914,751,416,322

24 September 2025

Prepared by:



Hoang Lan Huong
Accountant

Approved by:



Ngo Viet Ha
Chief Accountant



Lê Chí Lim Larry
General Director

The accompanying notes are an integral part of these separate interim financial statements

Saigon Binh Tay Beer Group Joint Stock Company
Separate statement of income for the six-month period ended 30 June 2025

Form B 02a – DN

(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

	Code	Note	Six-month period ended 30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
Revenue from sales of goods and provision of services	01	27	848,923,690,805	635,382,713,810
Cost of goods sold and services provided	11	28	805,401,481,716	604,935,316,148
Gross profit (20 = 01 - 11)	20		43,522,209,089	30,447,397,662
Financial income	21	29	35,177,040,520	14,569,469,364
Financial expenses	22	30	8,376,732,213	177,393,026,757
<i>In which: Interest expense</i>	23		8,370,717,797	8,689,732,582
Selling expenses	25	31	7,784,351,617	10,289,759,961
General and administration expenses	26	32	12,843,609,079	11,541,183,270
Net operating profit/(loss) {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		49,694,556,700	(154,207,102,962)
Other income	31		98,693,273	-
Other expenses	32		34,553,624	2,671,592
Results of other activities (40 = 31 - 32)	40		64,139,649	(2,671,592)
Accounting profit/(loss) before tax (50 = 30 + 40)	50		49,758,696,349	(154,209,774,554)
Income tax expense – current	51	34	-	-
Income tax expense – deferred	52	34	-	-
Net profit/(loss) after tax (60 = 50 - 51 - 52)	60		49,758,696,349	(154,209,774,554)

24 September 2025

Prepared by:



Hoang Lan Huong
Accountant

Approved by:



Ngo Viet Ha
Chief Accountant



Lê Chio Lim Larry
General Director

The accompanying notes are an integral part of these separate interim financial statements

Saigon Binh Tay Beer Group Joint Stock Company
Separate statement of cash flows for the six-month period ended 30 June 2025
(Indirect method)

Form B 03a – DN

*(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)*

	Code Note	Six-month period ended 30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
CASH FLOWS FROM OPERATING ACTIVITIES			
Accounting profit/(loss) before tax	01	49,758,696,349	(154,209,774,554)
Adjustments for			
Depreciation and amortisation	02	42,397,499,242	43,957,125,957
Allowances and provisions	03	21,556,638,291	60,761,678,945
(Profits)/losses from investing activities	05	(34,505,151,909)	94,254,276,469
Interest expense	06	8,370,717,797	8,689,732,582
Operating profit before changes in working capital	08	87,578,399,770	53,453,039,399
Change in receivables and other assets	09	(79,034,609,815)	(742,856,130)
Change in inventories	10	18,705,111,926	21,428,461,128
Change in payables and other liabilities	11	103,961,136,521	(57,263,984,758)
Change in prepaid expenses	12	10,866,012,727	15,116,954,652
		142,076,051,129	31,991,614,291
Interest paid	14	(9,989,098,119)	(11,309,341,969)
Other payments for operating activities	17	-	(279,534,466)
Net cash flows from operating activities	20	132,086,953,010	20,402,737,856
CASH FLOWS FROM INVESTING ACTIVITIES			
Payments for additions to fixed assets	21	(4,587,626,000)	-
Proceeds from disposals of fixed assets	22	181,818,182	-
Granting of loans to other entity	23	(144,000,000,000)	(125,000,000,000)
Collections of investments in other entities	26	-	115,000,000,000
Receipts of interests, dividends and profits distribution	27	167,218,650,730	14,540,478,373
Net cash flows from investing activities	30	18,812,842,912	4,540,478,373

The accompanying notes are an integral part of these separate interim financial statements

Saigon Binh Tay Beer Group Joint Stock Company
Separate statement of cash flows for the six-month period ended 30 June 2025
(Indirect method – continued)

Form B 03a – DN
*(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)*

			Six-month period ended	
	Code	Note	30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
CASH FLOWS FROM FINANCING ACTIVITIES				
Proceeds from borrowings	33		394,057,570,451	389,771,942,417
Payments to settle loan principals	34		(510,049,980,865)	(365,840,439,679)
Payments of dividends	36		-	(42,943,966,500)
Net cash flows from financing activities	40		(115,992,410,414)	(19,012,463,762)
Net cash flows during the period (50 = 20 + 30 + 40)	50		34,907,385,508	5,930,752,467
Cash at the beginning of the period	60		14,607,708,916	33,524,408,935
Cash at the end of the period (70 = 50 + 60)	70	8	49,515,094,424	39,455,161,402

24 September 2025

Prepared by:



Hoang Lan Huong
Accountant

Approved by:



Ngo Viet Ha
Chief Accountant



Lee Chio Lim Larry
General Director

The accompanying notes are an integral part of these separate interim financial statements

Saigon Binh Tay Beer Group Joint Stock Company
Notes to the separate interim financial statements for the six-month period ended
30 June 2025

Form B 09a – DN
(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

These notes form an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying separate interim financial statements.

1. Reporting entity

(a) Ownership structure

Saigon Binh Tay Beer Group Joint Stock Company (“the Company”) is incorporated as a joint stock company in Vietnam. The Company’s shares were officially traded on the unlisted public companies market (UPCoM) on the Hanoi Stock Exchange in accordance with Announcement No. 5158/TB-SGDHN dated 5 December 2023 of the the Hanoi Stock Exchange with trading code of SBB.

On 3 January 2025, Saigon Beer - Alcohol - Beverage Corporation (“SABECO”) acquired additional 37,814,900 shares of the Company, which increased the SABECO’s equity interest in the Company from 21.80% to 65.00% and thereby converting the Company from an associate to a subsidiary of SABECO. As a result, from that date, SABECO became the parent company.

(b) Principal activities

The principal activities of the Company are to produce and sell beer, malt liquors and malt; produce non-alcoholic beverages and mineral waters; wholesale of beverages, metal and non-metal waste and scrap; provide warehousing and storage services; and trade owned or rented property and land use rights.

(c) Normal operating cycle

The normal operating cycle of the Company is generally within 12 months.

(d) Company’s structure

The Company’s structure includes the Company’s Head Office, Saigon - Binh Duong Brewery, Saigon - Hoang Quynh Brewery and Saigon - Dong Thap Brewery, detailed as follows:

Name	Principal activities	Address
Saigon - Binh Duong Brewery	Producing beer, alcohol and beverages	Ho Chi Minh City, Vietnam
Saigon - Hoang Quynh Brewery	Producing beer, alcohol and beverages	Ho Chi Minh City, Vietnam
Saigon – Dong Thap Brewery	Producing beer, alcohol and beverages	Dong Thap Province, Vietnam

As at 30 June 2025, the Company had 280 employees (1/1/2025: 291 employees).

Saigon Binh Tay Beer Group Joint Stock Company
Notes to the separate interim financial statements for the six-month period ended
30 June 2025 (continued)

Form B 09a – DN

*(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)*

2. Basis of preparation

(a) Statement of compliance

These separate interim financial statements have been prepared in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Accounting System for enterprises and the relevant statutory requirements applicable to interim financial reporting. The Company also prepares and issues its consolidated interim financial statements separately. For a comprehensive understanding of the Company's consolidated financial position, its consolidated results of operations and its consolidated cash flows, these separate interim financial statements should be read in conjunction with the consolidated interim financial statements.

(b) Basis of measurement

The separate interim financial statements, except for the separate statement of cash flows, are prepared on the accrual basis using the historical cost concept. The separate statement of cash flows is prepared using the indirect method.

(c) Accounting period

The annual accounting period of the Company is from 1 January to 31 December. The separate interim financial statements are prepared for the six-month period ended 30 June 2025.

(d) Accounting and presentation currency

The Company's accounting currency is Vietnam Dong ("VND"), which is also the currency used for separate interim financial statements presentation purpose.

3. Summary of significant accounting policies

The following significant accounting policies have been adopted by the Company in the preparation of these separate interim financial statements.

The accounting policies that have been adopted by the Company in the preparation of these separate interim financial statements are consistent with those adopted in the preparation of the latest separate annual financial statements.

(a) Foreign currency transactions

Transactions in currencies other than VND during the period have been translated into VND at rates of exchange ruling at the transaction dates.

Monetary assets and liabilities denominated in currencies other than VND are translated into VND at the account transfer buying rate and account transfer selling rate, respectively, at the end of the accounting period quoted by the commercial bank where the Company most frequently conducts transactions.

All foreign exchange differences are recorded in the separate statement of income.

Saigon Binh Tay Beer Group Joint Stock Company
Notes to the separate interim financial statements for the six-month period ended
30 June 2025 (continued)

Form B 09a – DN

*(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)*

(b) Cash

Cash comprises cash balances and call deposits.

(c) Investments

(i) *Investments in subsidiaries and associates*

For the purpose of these separate interim financial statements, investments in subsidiaries and associates are initially recognised at cost which includes purchase price plus any directly attributable transaction costs. Subsequent to initial recognition, these investments are stated at cost less allowance for diminution in value. An allowance is made for diminution in investment value if the investee has suffered a loss which may cause the Company to lose its invested capital, unless there is evidence that the value of the investment has not been diminished. The allowance is reversed if the investee subsequently made a profit that offsets the previous loss for which the allowance had been made. An allowance is reversed only to the extent that the investment's carrying amount does not exceed the carrying amount that would have been determined if no allowance had been recognised.

When the Company loses significant influence over an associate, it derecognises the investment in associate and recognises the investment in equity instruments of other entity. The cost of the investment from the date that significant influence ceases is regarded as the cost thereafter of that equity investment in other entity in the separate interim financial statements.

(ii) *Investments in equity instruments of other entities*

Investments in equity instruments of other entities are initially recognised at cost which include purchase price plus any directly attributable transaction costs. Subsequent to initial recognition, these investments are stated at cost less allowance for diminution in value. An allowance is made for diminution in investment values if the investee has suffered a loss which may cause the Company to lose its invested capital, unless there is evidence that the value of the investment has not been diminished. The allowance is reversed if the investee subsequently made a profit that offsets the previous loss for which the allowance had been made. An allowance is reversed only to the extent that the investment's carrying amount does not exceed the carrying amount that would have been determined if no allowance had been recognised.

(d) Accounts receivable

Trade and other receivables are stated at cost less allowance for doubtful debts.

Saigon Binh Tay Beer Group Joint Stock Company
Notes to the separate interim financial statements for the six-month period ended
30 June 2025 (continued)

Form B 09a – DN

*(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)*

(e) Inventories

Inventories are stated at the lower of cost and net realisable value. Cost is determined on a weighted average basis and includes all costs incurred in bringing the inventories to their present location and condition. Cost in the case of finished goods and work in progress includes raw materials, direct labour and attributable manufacturing overheads. Net realisable value is the estimated selling price of inventory items, less the estimated costs of completion and estimated costs to sell.

The Company applies the perpetual method of accounting for inventories.

(f) Tangible fixed assets

(i) Cost

Tangible fixed assets are stated at cost less accumulated depreciation. The initial cost of a tangible fixed asset comprises its purchase price, including import duties, non-refundable purchase taxes and any directly attributable costs of bringing the asset to its working condition for its intended use. Expenditure incurred after tangible fixed assets have been put into operation, such as repair and maintenance and overhauls cost, is charged to the separate statement of income in the period in which the costs are incurred. In situations where it can be clearly demonstrated that the expenditure has resulted in an increase in the future economic benefits expected to be obtained from the use of tangible fixed assets beyond their originally assessed standard of performance, the expenditure is capitalised as an additional cost of tangible fixed assets.

(ii) Depreciation

Depreciation is computed on a straight-line basis over the estimated useful lives of tangible fixed assets. The estimated useful lives are as follows:

▪ buildings and structures	7 – 43 years
▪ machinery and equipment	3 – 15 years
▪ motor vehicles	7 – 10 years
▪ office equipment	3 – 10 years
▪ others	5 – 10 years

(g) Intangible fixed assets

(i) Land use rights

Land use rights with indefinite term are stated at cost and not amortised. Land use rights with definite term are stated at cost less accumulated amortisation. The initial cost of land use rights comprises the purchase price and any directly attributable costs incurred in conjunction with securing the land use rights. Land use rights with definite term are amortised on a straight-line basis over the term of the land use rights ranging from 41 to 49 years.

Saigon Binh Tay Beer Group Joint Stock Company
Notes to the separate interim financial statements for the six-month period ended
30 June 2025 (continued)

Form B 09a – DN

*(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)*

(ii) Software

Cost of acquiring new software, which is not an integral part of the related hardware, is capitalised and treated as an intangible asset. Software cost is amortised on a straight-line basis over 5 to 7 years.

(h) Long-term prepaid expenses

(i) Prepaid land costs

Prepaid land costs comprise prepaid land lease rentals, including those for which the Company obtained land use rights certificate but are not qualified as intangible fixed assets under prevailing laws and regulations, and other costs incurred in conjunction with securing the use of lease land. These costs are recognised in the separate statement of income on a straight-line basis over the term of the leases of 40 to 49 years.

(ii) Returnable packaging

Returnable packaging includes bottles and crates being used in the Company's production and business activities and is initially stated at cost. Returnable packaging is amortised on a straight-line basis over 3 years.

(iii) Tools and instruments

Tools and instruments include assets held for use by the Company in the normal course of business whose costs of individual items are less than VND30 million and therefore not qualified for recognition as fixed assets under prevailing regulation. Cost of tools and instruments is amortised on a straight-line basis over 3 years.

(i) Trade and other payables

Trade and other payables are stated at their costs.

(j) Provisions

A provision is recognised if, as a result of a past event, the Company has a present legal or constructive obligation that can be estimated reliably, and it is probable that an outflow of economic benefits will be required to settle the obligation. Provisions are determined by discounting the expected future cash flows at a pre-tax rate that reflects current market assessments of the time value of money and the risks specific to the liability.

Saigon Binh Tay Beer Group Joint Stock Company
Notes to the separate interim financial statements for the six-month period ended
30 June 2025 (continued)

Form B 09a – DN

*(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)*

Severance allowance

Under the Vietnamese Labour Code, when an employee who has worked for 12 months or more (“the eligible employees”) voluntarily terminates his/her labour contract, the employer is required to pay the eligible employee severance allowance calculated based on years of service and employee’s compensation at termination. Provision for severance allowance has been provided based on employees’ years of service and their average salary for the six-month period prior to the end of the accounting period. For the purpose of determining the number of years of service by an employee, the period for which the employee participated in and contributed to unemployment insurance in accordance with prevailing laws and regulations and the period for which severance allowance has been paid by the Company are excluded.

(k) Share capital

Ordinary shares

Ordinary shares are stated at par value. Excess of cash receipt from share issued over the par value is recorded as share premium. Incremental costs directly attributable to the issue of shares, net of tax effects, are recognised as a deduction from share premium.

(l) Taxation

Income tax on the profit or loss for the period comprises current and deferred tax. Income tax is recognised in the separate statement of income except to the extent that it relates to items recognised directly to equity, in which case it is recognised in equity.

Current tax is the expected tax payable on the taxable income for the period, using tax rates enacted at the end of the accounting period, and any adjustment to tax payable in respect of previous periods.

Deferred tax is provided using the balance sheet method, providing for temporary differences between the carrying amounts of assets and liabilities for financial reporting purposes and the amounts used for taxation purposes. The amount of deferred tax provided is based on the expected manner of realisation or settlement of the carrying amount of assets and liabilities using the tax rates enacted or substantively enacted at the end of the accounting period.

A deferred tax asset is recognised only to the extent that it is probable that future taxable profits will be available against which the temporary differences can be utilised. Deferred tax assets are reduced to the extent that it is no longer probable that the related tax benefit will be realised.

Saigon Binh Tay Beer Group Joint Stock Company
Notes to the separate interim financial statements for the six-month period ended
30 June 2025 (continued)

Form B 09a – DN

*(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)*

(m) Revenue and other income

(i) Goods sold

Revenue from the sales of goods is recognised in the separate statement of income when significant risks and rewards of ownership have been transferred to the buyer. No revenue is recognised if there are significant uncertainties regarding recovery of the consideration due or possible return of goods. Revenue on sales of goods is recognised at the net amount after deducting sales discounts stated on the invoice.

(ii) Services rendered

Revenue from services rendered is recognised in the separate statement of income in proportion to the stage of completion of the transaction. The stage of completion is assessed by reference to surveys of work performed. No revenue is recognised if there are significant uncertainties regarding recovery of the consideration due.

(iii) Interest income

Interest income is recognised in the separate statement of income on a time proportion basis with reference to the principal outstanding and the applicable interest rate.

(iv) Dividend income

Dividend income is recognised when the right to receive dividend is established. Share dividends are not recognised as income. Dividends received which are attributable to the period before investment acquisition date are deducted from the carrying amount of the investment.

(n) Borrowing costs

Borrowing costs are recognised as an expense in the period in which they are incurred, except where the borrowing costs relate to borrowings in respect of the construction of qualifying assets, in which case the borrowing costs incurred during the period of construction are capitalised as part of the cost of the assets concerned.

(o) Operating lease payments

Payments made under operating leases are recognised in the separate statement of income on a straight-line basis over the term of the lease. Lease incentives received are recognised in the separate statement of income as an integral part of the total lease expense, over the term of the lease.

Saigon Binh Tay Beer Group Joint Stock Company
Notes to the separate interim financial statements for the six-month period ended
30 June 2025 (continued)

Form B 09a – DN

*(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)*

(p) Segment reporting

A segment is a distinguishable component of the Company that is engaged either in providing related products or services (business segment), or in providing products or services within a particular economic environment (geographical segment), which is subject to risks and rewards that are different from those of other segments. The Company's primary format for segment reporting is based on business segments.

(q) Related parties

Parties are considered to be related to the Company if one party has the ability, directly or indirectly, to control the other party or exercise significant influence over the other party in making financial and operating decisions, or where the Company and the other party are subject to common control or significant influence. Related parties may be individuals or corporate entities and include close family members of any individual considered to be a related party.

(r) Comparative information

Comparative information in these separate interim financial statements is presented as corresponding figures. Under this method, comparative information for the prior period is included as an integral part of the current period separate interim financial statements and is intended to be read only in relation to the amounts and other disclosures relating to the current period. Accordingly, the comparative information included in these separate interim financial statements is not intended to present the Company's unconsolidated financial position, unconsolidated results of operations or unconsolidated cash flows for the prior period.

4. Seasonality of operations

The Company's principal business activities are to produce and sell beer and non-alcoholic beverages. Other business activities are to provide warehousing and storage services, and trade owned or rented property and land use rights. Management is of the opinion that these segments are not subject to significant seasonal fluctuations.

5. Changes in accounting estimates

In preparing these separate interim financial statements, the Board of Management has made several accounting estimates. Actual results may differ from these estimates.

There have been no significant changes in the accounting estimates compared to those made in the most recent separate annual financial statements or those made in the same interim period of the prior year.

Saigon Binh Tay Beer Group Joint Stock Company
Notes to the separate interim financial statements for the six-month period ended
30 June 2025 (continued)

Form B 09a – DN

*(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)*

6. Changes in the composition of the Company

There were no significant changes in the composition of the Company since the end of the last annual accounting period which affect the Company's separate interim financial statements for the six-month period ended 30 June 2025.

7. Segment reporting

(a) Business segments

The Company's principal business activities are to produce and sell beers and non-alcoholic beverages. Other business activities are to provide warehousing and storage services, and trade owned or rented property and land use rights. During the period, other business activities accounted for an insignificant proportion of total revenue and operating results of the Company. Accordingly, the financial information presented in the separate balance sheets as at 30 June 2025 and 1 January 2025 and revenue and expenses presented in the separate statements of income for the six-month period ended 30 June 2025 and 30 June 2024 were mainly related to the Company's principal business activities.

(b) Geographical segments

The Company's geographical segments are distinguished based on the locations of customers, being the local or foreign customers, in which, export sales only accounted for an insignificant proportion of the Company's revenue and did not require a separate report. Accordingly, the financial information presented mainly reflected the business activities of the Company in the territory of Vietnam.

8. Cash

	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Cash on hand	1,836,536	291,714,394
Cash in banks	49,513,257,888	14,315,994,522
	<hr/>	<hr/>
	49,515,094,424	14,607,708,916
	<hr/>	<hr/>

Saigon Binh Tay Beer Group Joint Stock Company
Notes to the separate interim financial statements for the six-month period ended
30 June 2025 (continued)

Form B 09a – DN
(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

9. Accounts receivable from customers

(a) Accounts receivable from customers detailed by significant customers

	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Saigon Beer - Alcohol - Beverage Corporation	172,972,587,481	82,033,655,514
Sai Gon Binh Tay Beer Trading Company Limited	112,269,668,010	125,470,033,229
Other customers	18,761,039,089	17,839,439,334
	<hr/>	
	304,003,294,580	225,343,128,077
	<hr/>	

(b) Accounts receivable from customers who are related parties

	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
<i>The parent company</i>		
Saigon Beer - Alcohol - Beverage Corporation	172,972,587,481	82,033,655,514
<i>Subsidiaries</i>		
Sai Gon Binh Tay Beer Trading Company Limited	112,269,668,010	125,470,033,229
Sai Gon - Ninh Thuan Beer Company Limited	4,578,414,643	4,550,300,387
<i>Other related party</i>		
Saigon Beer Trading Company Limited	260,978,218	332,982,405
	<hr/>	

The trade related amounts due from related parties were unsecured, interest free and are receivable within 45 days from invoice date.



Saigon Binh Tay Beer Group Joint Stock Company
Notes to the separate interim financial statements for the six-month period ended
30 June 2025 (continued)

Form B 09a – DN
(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

10. Loans receivable

	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
<i>Subsidiary</i>		
Sai Gon - Ninh Thuan Beer Company Limited	364,000,000,000	220,000,000,000

Loans to a subsidiary are unsecured and earned interest of 6.5% per annum (1/1/2025: 6.5% per annum). The interest of these loans is receivable on the maturity date or early repayment date, whichever is earlier.

11. Other short-term receivables

	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Profits distribution and dividend receivables	34,810,000,000	34,810,000,000
Loan interest receivables	18,626,794,521	10,355,945,206
Others	994,236,000	331,097,000
	54,431,030,521	45,497,042,206

Saigon Binh Tay Beer Group Joint Stock Company
Notes to the separate interim financial statements for the six-month period ended
30 June 2025 (continued)

Form B 09a – DN
(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

12. Inventories

(a) Inventories

	30/6/2025		1/1/2025	
	Cost VND	Allowance VND	Cost VND	Allowance VND
Raw materials	57,111,615,256	(4,125,316,744)	59,797,856,664	-
Tools and supplies	7,245,630,186	(7,238,490,640)	7,245,560,186	-
Work in progress	34,655,349,892	-	39,153,958,044	-
Finished goods	9,797,945,691	-	22,514,344,995	-
Goods on consignment	4,076,004,347	-	3,118,216,708	-
	112,886,545,372	(11,363,807,384)	131,829,936,597	-

Included in inventories as at 30 June 2025 was VND11,364 million (1/1/2025: nil) of obsolete or slow-moving inventories.

During the period, the Company made allowance for inventories amounting to VND11,364 million (six-month period ended 30 June 2024: nil).

(b) Long-term tools, supplies and spare parts

	30/6/2025		1/1/2025	
	Cost VND	Allowance VND	Cost VND	Allowance VND
Long-term tools, supplies and spare parts	14,186,983,520	(10,192,830,907)	13,948,704,221	-

Included in long-term tools, supplies and spare parts as at 30 June 2025 was VND10,193 million (1/1/2025: nil) of obsolete or long-term tools, supplies and spare parts.

During the period, the Company made allowance for long-term tools, supplies and spare parts amounting to VND10,193 million (six-month period ended 30 June 2024: nil).

Saigon Binh Tay Beer Group Joint Stock Company

Notes to the separate interim financial statements for the six-month period ended 30 June 2025 (continued)

Form B 09a – DN

*(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)*

13. Tangible fixed assets

Cost	Buildings and structures VND	Machinery and equipment VND	Motor vehicles VND	Office equipment VND	Others VND	Total VND
Opening balance	388,963,904,917	1,612,267,435,256	25,510,902,961	3,359,527,256	2,266,799,696	2,032,368,570,086
Additions	-	4,587,626,000	-	-	-	4,587,626,000
Disposals	-	-	(2,326,789,618)	-	-	(2,326,789,618)
Closing balance	388,963,904,917	1,616,855,061,256	23,184,113,343	3,359,527,256	2,266,799,696	2,034,629,406,468
Accumulated depreciation						
Opening balance	197,373,109,064	1,290,050,891,617	22,036,665,603	3,339,968,609	2,266,799,696	1,515,067,434,589
Charge for the period	9,880,893,835	31,021,741,047	611,270,232	3,313,212	-	41,517,218,326
Disposals	-	-	(2,326,789,618)	-	-	(2,326,789,618)
Closing balance	207,254,002,899	1,321,072,632,664	20,321,146,217	3,343,281,821	2,266,799,696	1,554,257,863,297
Net book value						
Opening balance	191,590,795,853	322,216,543,639	3,474,237,358	19,558,647	-	517,301,135,497
Closing balance	181,709,902,018	295,782,428,592	2,862,967,126	16,245,435	-	480,371,543,171

Saigon Binh Tay Beer Group Joint Stock Company
Notes to the separate interim financial statements for the six-month period ended
30 June 2025 (continued)

Form B 09a – DN

*(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)*

Included in tangible fixed assets as at 30 June 2025 were assets costing VND923,561 million (1/1/2025: VND844,737 million) which were fully depreciated, but still in active use.

As at 30 June 2025, tangible fixed assets with net book value of VND374,345 million (1/1/2025: VND417,593 million) were pledged with a bank as security for loans granted to the Company (Note 21).

14. Intangible fixed assets

	Land use rights VND	Software VND	Total VND
Cost			
Opening and closing balance	84,390,024,990	1,368,625,000	85,758,649,990
Accumulated amortisation			
Opening balance	19,699,917,141	1,368,625,000	21,068,542,141
Charge for the period	880,280,916	-	880,280,916
Closing balance	20,580,198,057	1,368,625,000	21,948,823,057
Net book value			
Opening balance	64,690,107,849	-	64,690,107,849
Closing balance	63,809,826,933	-	63,809,826,933

Included in intangible fixed assets as at 30 June 2025 were assets costing VND1,369 million (1/1/2025: VND1,369 million) which were fully amortised, but still in active use.



Saigon Binh Tay Beer Group Joint Stock Company
Notes to the separate interim financial statements for the six-month period ended 30 June 2025 (continued)

Form B 09a – DN
*(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)*

15. Long-term financial investments

	30/6/2025			1/1/2025		
	Cost VND	Allowance VND	Carrying amount VND	Cost VND	Allowance VND	Carrying amount VND
Investments in subsidiaries (a)	837,487,284,146	(611,860,251,442)	225,627,032,704	978,653,450,464	(611,860,251,442)	366,793,199,022
Investments in associates (b)	40,000,000,000	-	40,000,000,000	240,605,263,158	-	240,605,263,158
Equity investments in other entities (c)	222,772,113,158	(1,500,000,000)	221,272,113,158	22,166,850,000	(1,500,000,000)	20,666,850,000
	1,100,259,397,304	(613,360,251,442)	486,899,145,862	1,241,425,563,622	(613,360,251,442)	628,065,312,180

Notes to the separate interim financial statements for the six-month period ended 30 June 2025 (continued)

(a) Investments in subsidiaries

Movement of investments in subsidiaries during the period was as follows:

	VND	VND
Opening balance	978,653,450,464	978,653,450,464
Decrease (i)	(141,166,166,318)	-
Closing balance	837,487,284,146	978,653,450,464

26

Saigon Binh Tay Beer Group Joint Stock Company

Notes to the separate interim financial statements for the six-month period ended 30 June 2025 (continued)

Form B 09a – DN
(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

(b) Investments in associates

Company name	30/6/2025				1/1/2025			
	% of equity owned	% voting right	Cost VND	Fair value VND	Allowance VND	% of equity owned	% voting right	Cost VND
▪ Sai Gon - Long Khanh Beer Joint Stock Company	20.20%	20.20%	40,000,000,000	(*)	-	20.20%	20.20%	40,000,000,000 (*)
▪ Sai Gon Packaging Group Joint Stock Company	-	-	-	-	-	18.46%	20.01%	200,605,263,158 (*)
			40,000,000,000	-	-			240,605,263,158
								-

Movement of investments in associates during the period was as follows:

	Six-month period ended	
	30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
Opening balance	240,605,263,158	463,500,000,000
Transfer to equity investments in other entities (i)	(200,605,263,158)	-
Divestment during the period	-	(222,894,736,842)
Closing balance	40,000,000,000	240,605,263,158

(i) The Company's percentage of voting right in Sai Gon Packaging Group Joint Stock Company decreased from 20.01% to 18.46% as at 30 June 2025 and thus, Sai Gon Packaging Group Joint Stock Company ceased to be an associate of the Company from that date.

Saigon Binh Tay Beer Group Joint Stock Company

Notes to the separate interim financial statements for the six-month period ended 30 June 2025 (continued)

Form B 09a – DN
(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

(c) Equity investments in other entities

	30/6/2025			1/1/2025		
	Cost VND	Fair value VND	Allowance VND	Cost VND	Fair value VND	Allowance VND
▪ Sai Gon - Quang Ngai Beer Joint Stock Company	11,666,670,000	22,201,673,010	-	11,666,670,000	24,150,006,900	-
▪ Sai Gon - Ha Noi Beer Corporation	9,000,180,000	17,295,345,900	-	9,000,180,000	16,830,336,600	-
▪ Truong Sa Food - Food Business Joint Stock Company	1,500,000,000	(*)	(1,500,000,000)	1,500,000,000	(*)	(1,500,000,000)
▪ Sai Gon Packaging Group Joint Stock Company	200,605,263,158	(*)	-	-	-	-
	222,772,113,158		(1,500,000,000)	22,166,850,000		(1,500,000,000)

The fair values of long-term financial investments as at 30 June 2025 and 1 January 2025 were determined by reference to the quoted prices.

(*) The Company has not determined fair values of these investments for disclosure in the separate interim financial statements because information about their market prices is not available and there is currently no guidance on determination of fair value using valuation techniques under Vietnamese Accounting Standards or the Vietnamese Accounting System for enterprises. The fair values of these investments may differ from their carrying amounts.



Saigon Binh Tay Beer Group Joint Stock Company
Notes to the separate interim financial statements for the six-month period ended
30 June 2025 (continued)

Form B 09a – DN
(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

Movement of equity investments in other entities during the period was as follows:

	Six-month period ended	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Opening balance	22,166,850,000	22,166,850,000
Transfer from investments in associates	200,605,263,158	-
Closing balance	222,772,113,158	22,166,850,000

(d) Allowance for diminution in the value of long-term financial investments

Movement of allowance for diminution in the value of long-term financial investments during the period was as follows:

	Six-month period ended	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Opening balance	613,360,251,442	160,958,840,269
Allowance made during the period	-	60,761,678,945
Closing balance	613,360,251,442	221,720,519,214

16. Long-term prepaid expenses

	Prepaid land costs VND	Returnable packaging VND	Tools and instruments VND	Others VND	Total VND
Opening balance	32,076,499,865	9,356,039,120	7,850,534,404	2,087,782,518	51,370,855,907
Additions	-	-	918,702,191	490,716,000	1,409,418,191
Amortisation for the period	(512,657,874)	(9,356,039,120)	(1,712,790,688)	(745,188,723)	(12,326,676,405)
Closing balance	31,563,841,991	-	7,056,445,907	1,833,309,795	40,453,597,693

Saigon Binh Tay Beer Group Joint Stock Company
Notes to the separate interim financial statements for the six-month period ended
30 June 2025 (continued)

Form B 09a – DN
(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

17. Accounts payable to suppliers

(a) Accounts payable to suppliers detailed by significant suppliers

	Cost/Amount within repayment capacity	
	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Saigon Beer - Alcohol - Beverage Corporation	62,691,674,505	20,624,439,019
Sai Gon Packaging Group Joint Stock Company	9,986,973,639	10,534,146,480
Binh Tay Liquor Joint Stock Company	811,816,233	5,105,648,574
Thai Tan Trading and Transport Company Limited	758,041,575	6,426,201,812
Other suppliers	14,153,955,376	8,692,658,055
	<hr/>	<hr/>
	88,402,461,328	51,383,093,940
	<hr/>	<hr/>

(b) Accounts payable to suppliers who are related parties

	Cost/Amount within repayment capacity	
	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
<i>The parent company</i>		
Saigon Beer - Alcohol - Beverage Corporation	62,691,674,505	20,624,439,019
<i>Subsidiary</i>		
Sai Gon - Ninh Thuan Beer Company Limited	330,220,001	330,220,001
<i>Other related parties</i>		
Sai Gon Packaging Group Joint Stock Company	9,986,973,639	10,534,146,480
Binh Tay Liquor Joint Stock Company	811,816,233	5,105,648,574
Sa Be Co Mechanical Co., Ltd.	119,504,837	-
Saigon Beer Trading Company Limited	70,734,473	81,830,673
MM Mega Market (Vietnam) Company Limited	38,681,477	-
Sai Gon - Vinh Long Beer Joint Stock Company	34,949,880	-
Chuong Duong Beverages Joint Stock Company	1,354,909	-
	<hr/>	<hr/>

The trade related amounts due to related parties were unsecured, interest free and are payable within 15 days from invoice date.

Saigon Binh Tay Beer Group Joint Stock Company

Notes to the separate interim financial statements for the six-month period ended 30 June 2025 (continued)

Form B 09a – DN
(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

18. Taxes payable to State Treasury

	1/1/2025 VND	Incurred VND	Net-off VND	Paid VND	30/6/2025 VND
Value added tax	12,212,010,588	149,453,723,595	(61,862,778,342)	(80,323,362,809)	19,479,593,032
Special consumption tax	122,070,344,137	734,689,930,345	-	(689,002,620,788)	167,757,653,694
Personal income tax	232,158,624	1,243,708,981	-	(1,308,317,557)	167,550,048
Natural resources tax	2,714,400	14,077,760	-	(14,414,960)	2,377,200
Other taxes	152,849,500	117,492,550	-	(270,342,050)	-
	134,670,077,249	885,518,933,231	(61,862,778,342)	(770,919,058,164)	187,407,173,974

Saigon Binh Tay Beer Group Joint Stock Company
Notes to the separate interim financial statements for the six-month period ended
30 June 2025 (continued)

Form B 09a – DN
(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

19. Accrued expenses

	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Rental fee	2,058,373,213	-
Interest expense	119,122,187	1,737,502,509
Others	1,523,252,332	1,501,040,602
	<hr/>	<hr/>
	3,700,747,732	3,238,543,111
	<hr/>	<hr/>

20. Other payables

	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Dividends payable	3,599,799,000	3,599,799,000
Trade union fees	1,564,782,647	1,104,775,447
	<hr/>	<hr/>
	5,164,581,647	4,704,574,447
	<hr/>	<hr/>



Saigon Binh Tay Beer Group Joint Stock Company

Notes to the separate interim financial statements for the six-month period ended 30 June 2025 (continued)

Form B 09a – DN

(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

21. Short-term borrowings

	1/1/2025 Carrying amount/ Amount within repayment capacity VND	Movements during the period		30/6/2025 Carrying amount/ Amount within repayment capacity VND
		Increase VND	Decrease VND	
Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam – Ky Dong Branch (i)	212,802,985,274	315,405,223,721	(347,043,217,398)	181,164,991,597
Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank (ii)	60,916,391,737	78,652,346,730	(139,568,738,467)	-
Saigon Beer Transportation Joint Stock Company (iii)	20,000,000,000	-	(20,000,000,000)	-
Vietnam Maritime Commercial Joint Stock Bank – Ho Chi Minh City Branch (iii)	3,438,025,000	-	(3,438,025,000)	-
	297,157,402,011	394,057,570,451	(510,049,980,865)	181,164,991,597

Terms and conditions of outstanding short-term borrowings were as follows:

	Currency	Annual interest rate	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam – Ky Dong Branch	VND	4.8% - 6.5%	181,164,991,597	212,802,985,274
Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank	VND	6.9% - 7.0%	-	60,916,391,737
Saigon Beer Transportation Joint Stock Company	VND	6.5%	-	20,000,000,000
Vietnam Maritime Commercial Joint Stock Bank – Ho Chi Minh City Branch	VND	5.5%	-	3,438,025,000
			181,164,991,597	297,157,402,011

Saigon Binh Tay Beer Group Joint Stock Company
Notes to the separate interim financial statements for the six-month period ended
30 June 2025 (continued)

Form B 09a – DN
(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

- (i) The loan from Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam – Ky Dong Branch has a credit limit of VND250,000 million. This loan is secured by the Company's machinery and equipment (Note 13).
- (ii) This loan was secured by the Company's buildings and structures, brewery production machinery and equipment and land use right (Note 13 and Note 14).
- (iii) These loans were unsecured.

22. Bonus and welfare fund

This fund is established by appropriating amounts from retained profits as approved by shareholders at the General Meeting of shareholders. This fund is used to pay bonus and welfare to the Company's employees in accordance with the Company's bonus and welfare policies.

Movement of bonus and welfare fund during the period was as follows:

	Six-month period ended	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Opening balance	42,092,855	321,627,321
Appropriation during the period (Note 23)	2,787,586,386	-
Utilisation during the period	-	(279,534,466)
Closing balance	2,829,679,241	42,092,855

Saigon Binh Tay Beer Group Joint Stock Company

Notes to the separate interim financial statements for the six-month period ended 30 June 2025 (continued)

Form B 09a – DN

*(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)*

23. Changes in owners' equity

	Share capital VND	Share premium VND	Investment and development fund VND	Retained profits/ (accumulated losses) VND	Total VND
Balance as at 1 January 2024	875,245,360,000	436,708,750,464	495,910,465,337	7,124,313,322	1,814,988,889,123
Net loss for the period	-	-	-	(154,209,774,554)	(154,209,774,554)
Balance as at 30 June 2024	875,245,360,000	436,708,750,464	495,910,465,337	(147,085,461,232)	1,660,779,114,569
Reversal of investment and development fund	-	-	(87,524,536,000)	87,524,536,000	-
Dividends	-	-	-	(87,524,536,000)	(87,524,536,000)
Net loss for the period	-	-	-	(168,259,545,459)	(168,259,545,459)
Balance as at 1 January 2025	875,245,360,000	436,708,750,464	408,385,929,337	(315,345,006,691)	1,404,995,033,110
Reversal of investment and development fund (Note 25)	-	-	(408,385,929,337)	408,385,929,337	-
Appropriation to bonus and welfare funds (Note 22)	-	-	-	(2,787,586,386)	(2,787,586,386)
Net profit for the period	-	-	-	49,758,696,349	49,758,696,349
Balance as at 30 June 2025	875,245,360,000	436,708,750,464	-	140,012,032,609	1,451,966,143,073

Saigon Binh Tay Beer Group Joint Stock Company
Notes to the separate interim financial statements for the six-month period ended
30 June 2025 (continued)

Form B 09a – DN
(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

24. Share capital

The Company's authorised and issued share capital are:

	30/6/2025 and 1/1/2025	
	Number of shares	VND
Authorised and issued share capital		
Ordinary shares	87,524,536	875,245,360,000
Shares in circulation		
Ordinary shares	87,524,536	875,245,360,000

All ordinary shares have a par value of VND10,000. Each share is entitled to one vote at meetings of the Company. Shareholders are entitled to receive dividend as declared from time to time. All ordinary shares are ranked equally with regard to the Company's residual assets.

25. Investment and development fund

Investment and development fund was appropriated from retained profits in accordance with the resolution of the Annual General Meeting of shareholders. This fund was established for the purpose of future business expansion.

The Annual General Meeting of shareholders on 23 June 2025 resolved to reverse the investment and development fund amounting to VND408,386 million to retained profits (six-month period ended 30 June 2024: nil) (Note 23).

26. Off balance sheet items

(a) Leases commitment

The future minimum lease payments under non-cancellable operating leases were:

	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Within one year	5,098,055,510	5,098,055,510
From two to five years	25,490,170,798	25,490,156,239
More than five years	109,611,399,651	112,160,441,966
	140,199,625,959	142,748,653,715

Saigon Binh Tay Beer Group Joint Stock Company
Notes to the separate interim financial statements for the six-month period ended
30 June 2025 (continued)

Form B 09a – DN
(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

(b) Foreign currency

	30/6/2025		1/1/2025	
	Original currency	VND equivalent	Original currency	VND equivalent
USD	389,322	10,116,905,655	-	-

27. Revenue from sales of goods and provision of services

Total revenue represented the gross value of goods sold and services provided, exclusive of value added tax and special sales tax.

	Six-month period ended	
	30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
Total revenue		
▪ Sales of finished goods	845,046,351,913	575,306,928,132
▪ Provision of services	3,611,708,623	58,942,950,770
▪ Others	265,630,269	1,132,834,908
	<u>848,923,690,805</u>	<u>635,382,713,810</u>

28. Cost of goods sold and services provided

	Six-month period ended	
	30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
Finished goods sold	781,311,650,307	547,304,227,480
Services provided	2,399,529,884	56,212,030,233
Allowance for inventories and long-term tools, supplies and spare parts	21,556,638,291	-
Others	133,663,234	1,419,058,435
	<u>805,401,481,716</u>	<u>604,935,316,148</u>

Saigon Binh Tay Beer Group Joint Stock Company
Notes to the separate interim financial statements for the six-month period ended
30 June 2025 (continued)

Form B 09a – DN
(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

29. Financial income

	Six-month period ended	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Profits distribution and dividend income	25,900,518,682	13,248,873,796
Interest income from term deposits at banks and loans granted	8,422,815,045	391,586,577
Realised foreign exchange gains	853,706,793	929,008,991
	<hr/>	<hr/>
	35,177,040,520	14,569,469,364
	<hr/>	<hr/>

30. Financial expenses

	Six-month period ended	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Interest expense	8,370,717,797	8,689,732,582
Loss from disposal of financial investments	-	107,894,736,842
Allowance for diminution in the value of long-term financial investments	-	60,761,678,945
Others	6,014,416	46,878,388
	<hr/>	<hr/>
	8,376,732,213	177,393,026,757
	<hr/>	<hr/>

31. Selling expenses

	Six-month period ended	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Materials, tools and supplies	5,389,834,763	8,082,916,728
Outside services	2,317,433,000	1,927,258,661
Others	77,083,854	279,584,572
	<hr/>	<hr/>
	7,784,351,617	10,289,759,961
	<hr/>	<hr/>

Saigon Binh Tay Beer Group Joint Stock Company
Notes to the separate interim financial statements for the six-month period ended
30 June 2025 (continued)

Form B 09a – DN
(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

32. General and administration expenses

	Six-month period ended	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Staff costs	6,205,062,056	5,614,153,178
Depreciation and amortisation	3,000,891,477	3,219,423,072
Outside services	1,638,337,185	1,195,526,634
Materials, tools and supplies	949,503,721	478,960,402
Others	1,049,814,640	1,033,119,984
	<hr/>	<hr/>
	12,843,609,079	11,541,183,270
	<hr/>	<hr/>

33. Production and business costs by elements

	Six-month period ended	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Raw material costs included in production costs	703,987,725,662	511,698,213,707
Labour and staff costs	36,527,067,906	28,293,286,358
Depreciation and amortisation	42,397,499,242	43,957,125,957
Outside services	29,367,344,129	25,188,169,596
Other expenses	13,749,805,473	17,629,463,761
	<hr/>	<hr/>

34. Corporate income tax

(a) Reconciliation of effective tax rate

	Six-month period ended	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Accounting profit/(loss) before tax	49,758,696,349	(154,209,774,554)
	<hr/>	<hr/>
Tax at the Company's tax rate	9,951,739,270	(30,841,954,911)
Tax exempt income	(5,180,103,736)	(2,649,774,759)
Non-deductible expenses	228,015,686	-
Tax losses utilised	(9,310,978,878)	-
Change in unrecognised deferred tax assets	4,311,327,658	33,491,729,670
	<hr/>	<hr/>
	-	-
	<hr/>	<hr/>

Saigon Binh Tay Beer Group Joint Stock Company
Notes to the separate interim financial statements for the six-month period ended
30 June 2025 (continued)

Form B 09a – DN

*(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)*

(b) Unrecognised deferred tax assets

Deferred tax assets have not been recognised in respect of the following items:

	30/6/2025		1/1/2025	
	Temporary difference VND	Tax value VND	Temporary difference VND	Tax value VND
Deductible temporary differences	21,556,638,291	4,311,327,658	-	-
Tax losses	475,189,722,466	95,037,944,493	521,744,616,856	104,348,923,371
	496,746,360,757	99,349,272,151	521,744,616,856	104,348,923,371

The tax losses expire in the following years:

Year of expiry	Status of tax review	Tax losses available VND
2027	Outstanding	14,778,483,253
2028	Outstanding	90,409,193,285
2029	Outstanding	370,002,045,928
		475,189,722,466

(c) Applicable tax rate

Under the Income Tax Law, the Company has an obligation to pay income tax at the rate of 20% of taxable profits.

Saigon Binh Tay Beer Group Joint Stock Company
Notes to the separate interim financial statements for the six-month period ended
30 June 2025 (continued)

Form B 09a – DN

*(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)*

35. Significant transactions with related parties

In addition to the related party balances disclosed in other notes to the separate interim financial statements, the Company had the following significant transactions with related parties during the period:

	Transaction value	
	Six-month period ended	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
<i>The parent company</i>		
Saigon Beer - Alcohol - Beverage Corporation		
Sales of finished goods (exclusive of special sales tax)	737,678,368,462	447,539,308,362
Sales of raw materials	115,000,667	-
Provision of services	100,295,000	-
Purchases of raw materials	573,661,095,501	348,937,087,800
Purchases of equipment	300,207,000	-
Dividends paid	-	7,186,150,000
<i>Subsidiaries</i>		
Sai Gon Binh Tay Beer Trading Company Limited		
Sales of finished goods (exclusive of special sales tax)	17,516,909,803	21,820,996,435
Sales of raw materials	27,272,728	-
Sai Gon - Ninh Thuan Beer Company Limited		
Sales of finished goods	6,894,640	1,007,059,130
Sales of raw materials	14,013,200	-
Purchases of goods	-	3,419,274,000
Loans granted	144,000,000,000	125,000,000,000
Interest income	8,270,849,315	-
Sai Gon - Phu Ly Beer Company Limited		
Purchases of goods	-	2,734,496,000
Profits distribution	165,000,000,000	10,598,855,296
<i>Other related parties</i>		
Sai Gon Packaging Group Joint Stock Company		
Sales of finished goods	-	10,000,000
Purchases of packaging materials	36,365,212,827	35,649,369,748
Binh Tay Liquor Joint Stock Company		
Land rental fees	2,058,373,213	3,120,525,256
Dividends paid	-	2,760,000,000
Sai Gon - Quang Ngai Beer Joint Stock Company		
Dividend income	1,166,667,000	1,750,000,000
Sai Gon - Ha Noi Beer Corporation		
Dividend income	900,018,000	900,018,000

Saigon Binh Tay Beer Group Joint Stock Company
Notes to the separate interim financial statements for the six-month period ended
30 June 2025 (continued)

Form B 09a – DN

*(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)*

	Transaction value	
	Six-month period ended	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Saigon Beer Trading Company Limited		
Provision of services	1,150,629,297	-
Pallet rental fees	223,189,220	-
Sa Be Co Mechanical Co., Ltd.		
Purchases of goods	579,728,450	-
Purchases of services	8,600,000	-
Saigon - Lamdong Beer Joint Stock Company		
Purchases of goods	54,441,000	-
Sai Gon - Vinh Long Beer Joint Stock Company		
Purchases of goods	32,361,000	-
Chuong Duong Beverages Joint Stock Company		
Purchases of goods	6,177,279	-
MM Mega Market (Vietnam) Company Limited		
Purchases of services	1,292,879	-
Purchases of goods	102,963	2,766,696
Board of Directors		
<i>Fees</i>		
Mr. Tan Teck Chuan Lester	32,000,000	-
Mr. Lam Du An	28,000,000	-
Mr. Van Thao Nguyen	36,000,000	36,000,000
Mr. Dinh Quang Hai	36,000,000	36,000,000
Ms. Pham Thi Thanh Thuy	24,000,000	-
Mr. Van Thanh Liem	16,000,000	48,000,000
Mr. Dinh Van Thuan	12,000,000	36,000,000
Mr. Pham Tan Loi	12,000,000	36,000,000
Mr. Dang Thai	-	36,000,000
Mr. Nguyen Tien Dung	-	36,000,000
Board of Management		
Salary and bonus	1,880,000,000	1,620,000,000
Board of Supervisors		
Remuneration	74,000,000	54,000,000

Saigon Binh Tay Beer Group Joint Stock Company
Notes to the separate interim financial statements for the six-month period ended
30 June 2025 (continued)

Form B 09a – DN

*(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)*

36. Comparative information

The comparative information as at 1 January 2025 was derived from the balances and amounts reported in the Company's separate annual financial statements as at and for the year ended 31 December 2024. The comparative information for the six-month period ended 30 June 2024 was derived from the balances and amounts reported in the Company's separate interim financial statements as at and for the six-month period ended 30 June 2024.

24 September 2025

Prepared by:


Hoang Lan Huong
Accountant

Approved by:


Ngo Viet Ha
Chief Accountant


Lea Chio Lim Larry
General Director


The stamp contains the text: M.S.D. 0304116373-C.T.C., CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BIA SÀI GÒN BÌNH TÂY, QUẬN 1 - TP. HỒ CHÍ MINH.



KPMG'S COPY

**Công ty Cổ phần Tập đoàn
Bia Sài Gòn Bình Tây**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025

11/06/2025



Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 43 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Lê Chí Lim Larry
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 9 năm 2025





Chi nhánh Công ty TNHH KPMG
Tầng 10, Tòa nhà Sun Wah
115 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 24 tháng 9 năm 2025, được trình bày từ trang 5 đến trang 43.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về Hợp đồng Dịch vụ Soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Công ty chưa ghi nhận trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 ảnh hưởng của khoản phạt thuế liên quan đến số thuế chưa nộp của một công ty con với số tiền là 49.371 triệu VND, do khoản phạt thuế này cũng chưa được ghi nhận trong báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 của công ty con đó. Nếu Công ty ghi nhận ảnh hưởng của khoản phạt thuế này, thì dự phòng đầu tư tài chính dài hạn và lỗ lũy kế được trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2024; và chi phí tài chính và lỗ thuần sau thuế TNDN được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 sẽ tăng thêm 49.371 triệu VND. Kiểm toán viên tiền nhiệm đã đưa ra kết luận ngoại trừ cho báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 liên quan đến vấn đề này. Chúng tôi đưa ra kết luận ngoại trừ cho báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 do ảnh hưởng của vấn đề này đến tính có thể so sánh giữa số liệu kỳ hiện hành với số liệu so sánh của kỳ trước được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề được mô tả ở đoạn Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Các vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và trong báo cáo kiểm toán ngày 31 tháng 3 năm 2025, công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính đó, kèm theo vấn đề cần nhấn mạnh liên quan đến các điều chỉnh hồi tố của số liệu so sánh phát sinh từ việc ghi nhận chưa đầy đủ dự phòng đầu tư tài chính dài hạn.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 đã được soát xét bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra kết luận ngoại trừ trong báo cáo soát xét ngày 21 tháng 10 năm 2024 do ảnh hưởng của vấn đề được mô tả ở đoạn Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 25-01-00585-25-1



Triệu Tích Quyên

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 4629-2023-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 9 năm 2025

Nelson Rodriguez Casihan

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 2225-2023-007-1



Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		875.316.192.184	639.359.300.668
Tiền	110	8	49.515.094.424	14.607.708.916
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		722.903.469.150	491.598.010.020
Phải thu của khách hàng	131	9	304.003.294.580	225.343.128.077
Trả trước cho người bán	132		716.243.933	1.004.939.621
Phải thu về cho vay	135	10	364.000.000.000	220.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	11	54.431.030.521	45.497.042.206
Dự phòng phải thu khó đòi	137		(247.099.884)	(247.099.884)
Hàng tồn kho	140	12(a)	101.522.737.988	131.829.936.597
Hàng tồn kho	141		112.886.545.372	131.829.936.597
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(11.363.807.384)	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.374.890.622	1.323.645.135
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		537.806.456	486.560.969
Thuế phải thu Nhà nước	153		837.084.166	837.084.166

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 250 + 260)	200		1.075.544.266.272	1.275.392.115.654
Các khoản phải thu dài hạn	210		16.000.000	16.000.000
Phải thu dài hạn khác	216		16.000.000	16.000.000
Tài sản cố định	220		544.181.370.104	581.991.243.346
Tài sản cố định hữu hình	221	13	480.371.543.171	517.301.135.497
Nguyên giá	222		2.034.629.406.468	2.032.368.570.086
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.554.257.863.297)	(1.515.067.434.589)
Tài sản cố định vô hình	227	14	63.809.826.933	64.690.107.849
Nguyên giá	228		85.758.649.990	85.758.649.990
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(21.948.823.057)	(21.068.542.141)
Đầu tư tài chính dài hạn	250		486.899.145.862	628.065.312.180
Đầu tư vào công ty con	251	15(a)	837.487.284.146	978.653.450.464
Đầu tư vào công ty liên kết	252	15(b)	40.000.000.000	240.605.263.158
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	15(c)	222.772.113.158	22.166.850.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	15(d)	(613.360.251.442)	(613.360.251.442)
Tài sản dài hạn khác	260		44.447.750.306	65.319.560.128
Chi phí trả trước dài hạn	261	16	40.453.597.693	51.370.855.907
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	12(b)	3.994.152.613	13.948.704.221
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.950.860.458.456	1.914.751.416.322

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		498.894.315.383	509.756.383.212
Nợ ngắn hạn	310		498.894.315.383	509.756.383.212
Phải trả người bán	311	17	88.402.461.328	51.383.093.940
Người mua trả tiền trước	312		23.986.433.017	10.059.556.344
Thuế phải nộp Nhà nước	313	18	187.407.173.974	134.670.077.249
Phải trả người lao động	314		6.238.246.847	8.501.043.255
Chi phí phải trả	315	19	3.700.747.732	3.238.543.111
Phải trả khác	319	20	5.164.581.647	4.704.574.447
Vay ngắn hạn	320	21	181.164.991.597	297.157.402.011
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	22	2.829.679.241	42.092.855
Vốn chủ sở hữu (400 = 410)	400		1.451.966.143.073	1.404.995.033.110
Vốn chủ sở hữu	410	23	1.451.966.143.073	1.404.995.033.110
Vốn cổ phần	411		875.245.360.000	875.245.360.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a	24	875.245.360.000	875.245.360.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		436.708.750.464	436.708.750.464
Quỹ đầu tư phát triển	418	25	-	408.385.929.337
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/ (lỗ lũy kế)	421		140.012.032.609	(315.345.006.691)
- <i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a		93.040.922.646	7.124.313.322
- <i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này/lỗ năm trước</i>	421b		46.971.109.963	(322.469.320.013)
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.950.860.458.456	1.914.751.416.322

Ngày 24 tháng 9 năm 2025

Người lập:


Hoàng Lan Hương
Kế toán

Người duyệt:


Ngô Việt Hà
Kế toán Trưởng


Lee Chio Lim Larry
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

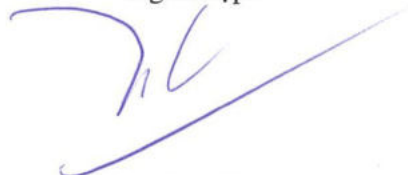
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025

Mẫu B 02a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	27	848.923.690.805	635.382.713.810
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	28	805.401.481.716	604.935.316.148
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		43.522.209.089	30.447.397.662
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	35.177.040.520	14.569.469.364
Chi phí tài chính	22	30	8.376.732.213	177.393.026.757
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		8.370.717.797	8.689.732.582
Chi phí bán hàng	25	31	7.784.351.617	10.289.759.961
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	12.843.609.079	11.541.183.270
Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		49.694.556.700	(154.207.102.962)
Thu nhập khác	31		98.693.273	-
Chi phí khác	32		34.553.624	2.671.592
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		64.139.649	(2.671.592)
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		49.758.696.349	(154.209.774.554)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	34	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	34	-	-
Lợi nhuận/(lỗ) thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		49.758.696.349	(154.209.774.554)

Ngày 24 tháng 9 năm 2025

Người lập:



Hoàng Lan Hương
Kế toán

Người duyệt:

Ngô Việt Hà
Kế toán Trưởng

Lee Chio Lim Larry
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	01		49.758.696.349	(154.209.774.554)
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		42.397.499.242	43.957.125.957
Các khoản dự phòng	03		21.556.638.291	60.761.678.945
(Lãi)/lỗ từ các hoạt động đầu tư	05		(34.505.151.909)	94.254.276.469
Chi phí lãi vay	06		8.370.717.797	8.689.732.582
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		87.578.399.770	53.453.039.399
Biến động các khoản phải thu và các tài sản khác	09		(79.034.609.815)	(742.856.130)
Biến động hàng tồn kho	10		18.705.111.926	21.428.461.128
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		103.961.136.521	(57.263.984.758)
Biến động chi phí trả trước	12		10.866.012.727	15.116.954.652
			142.076.051.129	31.991.614.291
Tiền lãi vay đã trả	14		(9.989.098.119)	(11.309.341.969)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	(279.534.466)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		132.086.953.010	20.402.737.856
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21		(4.587.626.000)	-
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		181.818.182	-
Tiền chi cho đơn vị khác vay	23		(144.000.000.000)	(125.000.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		-	115.000.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và phân phối lợi nhuận	27		167.218.650.730	14.540.478.373
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		18.812.842.912	4.540.478.373

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		394.057.570.451	389.771.942.417
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(510.049.980.865)	(365.840.439.679)
Tiền chi trả cổ tức	36		-	(42.943.966.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(115.992.410.414)	(19.012.463.762)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		34.907.385.508	5.930.752.467
Tiền đầu kỳ	60		14.607.708.916	33.524.408.935
Tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	8	49.515.094.424	39.455.161.402

Ngày 24 tháng 9 năm 2025

Người lập:



Hoàng Lan Hương
Kế toán

Người duyệt:



Ngô Việt Hà
Kế toán Trưởng



Lê Chio Lim Larry
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Cổ phiếu của Công ty đã chính thức được giao dịch trên thị trường chứng khoán đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Thông báo số 5158/TB-SGDHN ngày 5 tháng 12 năm 2023 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch là SBB.

Ngày 3 tháng 1 năm 2025, Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn (“SABECO”) đã mua thêm 37.814.900 cổ phần của Công ty, nâng tỷ lệ sở hữu của SABECO tại Công ty từ 21,80% lên 65,00% và qua đó chuyển Công ty từ công ty liên kết thành công ty con của SABECO. Do đó, kể từ ngày này, SABECO trở thành công ty mẹ của Công ty.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất và bán bia, rượu mạch nha và mạch nha; sản xuất đồ uống không cồn và nước khoáng; bán buôn đồ uống, phế liệu kim loại và phi kim loại; cung cấp dịch vụ kho bãi và lưu trữ; và kinh doanh bất động sản và quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu hoặc đi thuê.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Cấu trúc của Công ty bao gồm Văn phòng Công ty, Nhà máy Bia Sài Gòn - Bình Dương, Nhà máy Bia Sài Gòn - Hoàng Quỳnh và Nhà máy Bia Sài Gòn - Đồng Tháp, cụ thể như sau:

Tên đơn vị	Hoạt động chính	Địa chỉ
Nhà máy Bia Sài Gòn - Bình Dương	Sản xuất bia, rượu và nước giải khát	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Nhà máy Bia Sài Gòn - Hoàng Quỳnh	Sản xuất bia, rượu và nước giải khát	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Nhà máy Bia Sài Gòn - Đồng Tháp	Sản xuất bia, rượu và nước giải khát	Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty có 280 nhân viên (1/1/2025: 291 nhân viên).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Các chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản tại ngày kết thúc kỳ kế toán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Khi Công ty không còn ảnh hưởng đáng kể với một công ty liên kết, Công ty dừng ghi nhận khoản đầu tư vào công ty liên kết và ghi nhận đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của đơn vị khác. Giá gốc của khoản đầu tư kể từ ngày không còn ảnh hưởng đáng kể được xem là giá gốc của khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác đó trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	7 – 43 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	7 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 10 năm
▪ tài sản khác	5 – 10 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất không có thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá và không trích khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn sử dụng của quyền sử dụng đất là từ 41 đến 49 năm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 5 đến 7 năm.

(h) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là từ 40 đến 49 năm.

(ii) Bao bì luân chuyển

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, kết sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(iii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(i) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(j) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho Công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(k) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chênh lệch giữa số tiền nhận được từ phát hành cổ phiếu so với mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng của thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(m) Doanh thu và thu nhập khác

(i) *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) *Thu nhập từ tiền lãi*

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) *Thu nhập từ cổ tức*

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(n) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(o) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(p) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty được dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(q) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay gây ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

(r) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính trước hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty trong kỳ trước.

4. Tính thời vụ của hoạt động

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh bia và đồ uống không cồn. Các hoạt động kinh doanh khác bao gồm cung cấp dịch vụ kho bãi và lưu trữ, và kinh doanh bất động sản và quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu hoặc đi thuê. Ban Giám đốc cho rằng các lĩnh vực hoạt động này không chịu ảnh hưởng đáng kể bởi tính thời vụ.

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Giám đốc của Công ty đã thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này.

Không có thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán so với các ước tính kế toán được thực hiện trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cùng kỳ năm trước.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

6. Các thay đổi trong cơ cấu của Công ty

Không có sự thay đổi đáng kể nào trong cơ cấu của Công ty kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất mà có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

7. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh bia và đồ uống không cồn. Các hoạt động khác bao gồm cung cấp dịch vụ kho bãi và lưu trữ, và kinh doanh bất động sản và quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu hoặc đi thuê. Trong kỳ, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và ngày 1 tháng 1 năm 2025 và doanh thu và chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho các giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 và ngày 30 tháng 6 năm 2024 chủ yếu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty.

(b) Bộ phận chia theo khu vực địa lý

Bộ phận chia theo khu vực địa lý của Công ty dựa trên vị trí địa lý của khách hàng, bao gồm khách hàng trong nước và khách hàng nước ngoài, trong đó doanh thu bán hàng xuất khẩu chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu của Công ty và không phải là một bộ phận trọng yếu cần báo cáo riêng. Do đó, thông tin tài chính được báo cáo chủ yếu phản ánh hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong lãnh thổ Việt Nam.

8. Tiền

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Tiền mặt	1.836.536	291.714.394
Tiền gửi ngân hàng	49.513.257.888	14.315.994.522
	<hr/> 49.515.094.424	<hr/> 14.607.708.916 <hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

9. Phải thu của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	172.972.587.481	82.033.655.514
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Bia Sài Gòn Bình Tây	112.269.668.010	125.470.033.229
Các khách hàng khác	18.761.039.089	17.839.439.334
	<hr/>	<hr/>
	304.003.294.580	225.343.128.077

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	172.972.587.481	82.033.655.514
Các công ty con		
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Bia Sài Gòn Bình Tây	112.269.668.010	125.470.033.229
Công ty TNHH Bia Sài Gòn - Ninh Thuận	4.578.414.643	4.550.300.387
Bên liên quan khác		
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	260.978.218	332.982.405

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không được đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu hồi trong vòng 45 ngày kể từ ngày hóa đơn.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Phải thu về cho vay

	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
<i>Công ty con</i>		
Công ty TNHH Bia Sài Gòn - Ninh Thuận	364.000.000.000	220.000.000.000

Các khoản cho công ty con vay không được đảm bảo và hưởng lãi suất là 6,5% một năm (1/1/2025: 6,5% một năm). Tiền lãi của các khoản cho vay này được nhận vào ngày đáo hạn hoặc ngày trả nợ trước hạn, tùy theo thời điểm nào đến trước.

11. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Phải thu về phân phối lợi nhuận và cổ tức	34.810.000.000	34.810.000.000
Phải thu lãi cho vay	18.626.794.521	10.355.945.206
Phải thu khác	994.236.000	331.097.000
	54.431.030.521	45.497.042.206



Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. Hàng tồn kho

(a) Hàng tồn kho

	30/6/2025		1/1/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	57.111.615.256	(4.125.316.744)	59.797.856.664	-
Công cụ và dụng cụ	7.245.630.186	(7.238.490.640)	7.245.560.186	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	34.655.349.892	-	39.153.958.044	-
Thành phẩm	9.797.945.691	-	22.514.344.995	-
Hàng gửi đi bán	4.076.004.347	-	3.118.216.708	-
	112.886.545.372	(11.363.807.384)	131.829.936.597	-

Trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 có 11.364 triệu VND (1/1/2025: không) hàng tồn kho lỗi thời hoặc chậm luân chuyển.

Trong kỳ, Công ty đã trích lập dự phòng hàng tồn kho với số tiền là 11.364 triệu VND (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024: không).

(b) Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

	30/6/2025		1/1/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	14.186.983.520	(10.192.830.907)	13.948.704.221	-

Trong thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 có 10.193 triệu VND (1/1/2025: không) thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn chậm luân chuyển.

Trong kỳ, Công ty đã trích lập dự phòng thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn với số tiền là 10.193 triệu VND (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024: không).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bìa Sài Gòn Bình Tây

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	388.963.904.917	1.612.267.435.256	25.510.902.961	3.359.527.256	2.266.799.696	2.032.368.570.086
Tăng trong kỳ	-	4.587.626.000	-	-	-	4.587.626.000
Thanh lý	-	-	(2.326.789.618)	-	-	(2.326.789.618)
Số dư cuối kỳ	388.963.904.917	1.616.855.061.256	23.184.113.343	3.359.527.256	2.266.799.696	2.034.629.406.468
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	197.373.109.064	1.290.050.891.617	22.036.665.603	3.339.968.609	2.266.799.696	1.515.067.434.589
Khấu hao trong kỳ	9.880.893.835	31.021.741.047	611.270.232	3.313.212	-	41.517.218.326
Thanh lý	-	-	(2.326.789.618)	-	-	(2.326.789.618)
Số dư cuối kỳ	207.254.002.899	1.321.072.632.664	20.321.146.217	3.343.281.821	2.266.799.696	1.554.257.863.297
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	191.590.795.853	322.216.543.639	3.474.237.358	19.558.647	-	517.301.135.497
Số dư cuối kỳ	181.709.902.018	295.782.428.592	2.862.967.126	16.245.435	-	480.371.543.171

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 có các tài sản có nguyên giá 923.561 triệu VND (1/1/2025: 844.737 triệu VND) đã khấu hao hết, nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 374.345 triệu VND (1/1/2025: 417.593 triệu VND) được thế chấp tại một ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 21).

14. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	84.390.024.990	1.368.625.000	85.758.649.990
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	19.699.917.141	1.368.625.000	21.068.542.141
Khấu hao trong kỳ	880.280.916	-	880.280.916
Số dư cuối kỳ	20.580.198.057	1.368.625.000	21.948.823.057
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	64.690.107.849	-	64.690.107.849
Số dư cuối kỳ	63.809.826.933	-	63.809.826.933

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 có các tài sản có nguyên giá 1.369 triệu VND (1/1/2025: 1.369 triệu VND) đã khấu hao hết, nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bía Sài Gòn Bình Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Đầu tư tài chính dài hạn

	30/6/2025			1/1/2025		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư vào công ty con (a)	837.487.284.146	(611.860.251.442)	225.627.032.704	978.653.450.464	(611.860.251.442)	366.793.199.022
Đầu tư vào công ty liên kết (b)	40.000.000.000	-	40.000.000.000	240.605.263.158	-	240.605.263.158
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (c)	222.772.113.158	(1.500.000.000)	221.272.113.158	22.166.850.000	(1.500.000.000)	20.666.850.000
	1.100.259.397.304	(613.360.251.442)	486.899.145.862	1.241.425.563.622	(613.360.251.442)	628.065.312.180



Công ty Cổ phần Tập đoàn Bía Sài Gòn Bình Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(a) Đầu tư vào công ty con

Tên công ty	30/6/2025			1/1/2025		
	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
▪ Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Bía Sài Gòn Bình Tây	100%	200.000.000.000	(*)	(200.000.000.000)	100%	200.000.000.000 (*)
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Bía Sài Gòn - Phú Lý	100%	225.627.032.704	(*)	-	100%	366.793.199.022 (*)
▪ Công ty TNHH Bía Sài Gòn - Ninh Thuận	100%	411.860.251.442	(*)	(411.860.251.442)	100%	411.860.251.442 (*)
		837.487.284.146		(611.860.251.442)		978.653.450.464 (611.860.251.442)

Biến động của khoản đầu tư vào công ty con trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc 30/6/2025 VND		30/6/2024 VND	
Số dư đầu kỳ				
Giảm trong kỳ (i)			978.653.450.464	978.653.450.464
			(141.166.166.318)	-
Số dư cuối kỳ			837.487.284.146	978.653.450.464

(i) Khoản này phản ánh phần lợi nhuận được phân phối trong kỳ liên quan đến lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của giai đoạn trước khi Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Một Thành viên Bía Sài Gòn - Phú Lý.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bìà Sài Gòn Bình Tây

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư vào công ty liên kết

Tên công ty	30/6/2025				1/1/2025			
	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND
▪ Công ty Cổ phần Bìà Sài Gòn - Long Khánh	20,20%	20,20%	40.000.000.000	(*)	-	20,20%	20,20%	40.000.000.000
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Bìà Sài Gòn	-	-	-	-	-	18,46%	20,01%	200.605.263.158
			40.000.000.000					240.605.263.158

Biến động của khoản đầu tư vào công ty liên kết trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc 30/6/2025 VND		30/6/2024 VND	
Số dư đầu kỳ	240.605.263.158		463.500.000.000	
Chuyển sang đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác (i)	(200.605.263.158)		-	
Thoái vốn trong kỳ	-		(222.894.736.842)	
Số dư cuối kỳ	40.000.000.000		240.605.263.158	

(i) Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Bìà Sài Gòn giảm từ 20,01% xuống 18,46% tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và do đó, Công ty Cổ phần Tập đoàn Bìà Sài Gòn không còn là công ty liên kết của Công ty kể từ thời điểm đó.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/6/2025		1/1/2025	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi	11.666.670.000	22.201.673.010	-	11.666.670.000
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội	9.000.180.000	17.295.345.900	-	9.000.180.000
▪ Công ty Cổ phần Kinh doanh Thực phẩm Trường Sa	1.500.000.000	(*)	(1.500.000.000)	(*)
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao bì Sài Gòn	200.605.263.158	(*)	-	-
	222.772.113.158		(1.500.000.000)	22.166.850.000
				(1.500.000.000)

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và ngày 1 tháng 1 năm 2025 được xác định bằng cách tham khảo giá niêm yết cổ phiếu.

(*)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì không có thông tin về giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và hiện chưa có hướng dẫn về cách xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động của đầu tư góp vốn vào đơn vị khác trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	22.166.850.000	22.166.850.000
Chuyển từ đầu tư vào công ty liên kết	200.605.263.158	-
Số dư cuối kỳ	222.772.113.158	22.166.850.000

(d) Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn

Biến động của khoản dự phòng đầu tư tài chính dài hạn trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	613.360.251.442	160.958.840.269
Dự phòng trích lập trong kỳ	-	60.761.678.945
Số dư cuối kỳ	613.360.251.442	221.720.519.214

16. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất	Bao bì	Công cụ và	Khác	Tổng
	trả trước	luân chuyển	dụng cụ	VND	VND
	VND	VND	VND		
Số dư đầu kỳ	32.076.499.865	9.356.039.120	7.850.534.404	2.087.782.518	51.370.855.907
Tăng					
trong kỳ	-	-	918.702.191	490.716.000	1.409.418.191
Phân bổ					
trong kỳ	(512.657.874)	(9.356.039.120)	(1.712.790.688)	(745.188.723)	(12.326.676.405)
Số dư cuối kỳ	31.563.841.991	-	7.056.445.907	1.833.309.795	40.453.597.693

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

17. Phải trả người bán

(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ
	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	62.691.674.505	20.624.439.019
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao bì Sài Gòn	9.986.973.639	10.534.146.480
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây	811.816.233	5.105.648.574
Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Thái Tân	758.041.575	6.426.201.812
Các nhà cung cấp khác	14.153.955.376	8.692.658.055
	<hr/>	<hr/>
	88.402.461.328	51.383.093.940
	<hr/>	<hr/>

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ
	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	62.691.674.505	20.624.439.019
Công ty con		
Công ty TNHH Bia Sài Gòn - Ninh Thuận	330.220.001	330.220.001
Các bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao bì Sài Gòn	9.986.973.639	10.534.146.480
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây	811.816.233	5.105.648.574
Công ty TNHH Một Thành viên Cơ khí Sa Be Co	119.504.837	-
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	70.734.473	81.830.673
Công ty TNHH MM Mega Market (Việt Nam)	38.681.477	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long	34.949.880	-
Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương	1.354.909	-
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả trong vòng 15 ngày kể từ ngày hóa đơn.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bía Sài Gòn Bình Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

18. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2025 VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số cán trừ trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	30/6/2025 VND
Thuế giá trị gia tăng	12.212.010.588	149.453.723.595	(61.862.778.342)	(80.323.362.809)	19.479.593.032
Thuế tiêu thụ đặc biệt	122.070.344.137	734.689.930.345	-	(689.002.620.788)	167.757.653.694
Thuế thu nhập cá nhân	232.158.624	1.243.708.981	-	(1.308.317.557)	167.550.048
Thuế tài nguyên môi trường	2.714.400	14.077.760	-	(14.414.960)	2.377.200
Các loại thuế khác	152.849.500	117.492.550	-	(270.342.050)	-
	134.670.077.249	885.518.933.231	(61.862.778.342)	(770.919.058.164)	187.407.173.974

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Chi phí phải trả

	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Chi phí thuê	2.058.373.213	-
Chi phí lãi vay	119.122.187	1.737.502.509
Chi phí phải trả khác	1.523.252.332	1.501.040.602
	<hr/>	<hr/>
	3.700.747.732	3.238.543.111
	<hr/>	<hr/>

20. Phải trả khác

	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Cổ tức phải trả	3.599.799.000	3.599.799.000
Kinh phí công đoàn	1.564.782.647	1.104.775.447
	<hr/>	<hr/>
	5.164.581.647	4.704.574.447
	<hr/>	<hr/>



Công ty Cổ phần Tập đoàn Bía Sài Gòn Bình Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

21. Vay ngắn hạn

	1/1/2025		Biến động trong kỳ		30/6/2025	
	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND		Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam						
– Chi nhánh Kỳ Đồng (i)	212.802.985.274		315.405.223.721	(347.043.217.398)	181.164.991.597	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thương Tín (ii)	60.916.391.737		78.652.346.730	(139.568.738.467)	-	
Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bía Sài Gòn (iii)	20.000.000.000		-	(20.000.000.000)	-	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam						
– Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (iii)	3.438.025.000		-	(3.438.025.000)	-	
	297.157.402.011	394.057.570.451	(510.049.980.865)		181.164.991.597	

Điều kiện và điều khoản của khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền tệ	Lãi suất năm	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Kỳ Đồng	VND	4,8% - 6,5%	181.164.991.597	212.802.985.274
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thương Tín	VND	6,9% - 7,0%	-	60.916.391.737
Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bía Sài Gòn	VND	6,5%	-	20.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	VND	5,5%	-	3.438.025.000
			181.164.991.597	297.157.402.011

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- (i) Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Kỳ Đồng có hạn mức tín dụng là 250.000 triệu VND. Khoản vay này được đảm bảo bằng máy móc và thiết bị của Công ty (Thuyết minh 13).
- (ii) Khoản vay này được đảm bảo bằng nhà cửa và vật kiến trúc, máy móc thiết bị sản xuất bia và quyền sử dụng đất của Công ty (Thuyết minh 13 và Thuyết minh 14).
- (iii) Các khoản vay này không có đảm bảo.

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	42.092.855	321.627.321
Trích lập trong kỳ (Thuyết minh 23)	2.787.586.386	-
Sử dụng trong kỳ	-	(279.534.466)
Số dư cuối kỳ	2.829.679.241	42.092.855

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bina Sài Gòn Bình Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

23. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/ (lỗ lũy kế) VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	875.245.360.000	436.708.750.464	495.910.465.337	7.124.313.322	1.814.988.889.123
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	(154.209.774.554)	(154.209.774.554)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2024	875.245.360.000	436.708.750.464	495.910.465.337	(147.085.461.232)	1.660.779.114.569
Hoàn nhập quỹ đầu tư phát triển	-	-	(87.524.536.000)	87.524.536.000	-
Cổ tức	-	-	-	(87.524.536.000)	(87.524.536.000)
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	(168.259.545.459)	(168.259.545.459)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	875.245.360.000	436.708.750.464	408.385.929.337	(315.345.006.691)	1.404.995.033.110
Hoàn nhập quỹ đầu tư phát triển (Thuyết minh 25)	-	-	(408.385.929.337)	408.385.929.337	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 22)	-	-	-	(2.787.586.386)	(2.787.586.386)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	49.758.696.349	49.758.696.349
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2025	875.245.360.000	436.708.750.464	-	140.012.032.609	1.451.966.143.073



Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

24. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2025 và 1/1/2025	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	87.524.536	875.245.360.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	87.524.536	875.245.360.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

25. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty vào ngày 23 tháng 6 năm 2025 đã quyết định hoàn nhập quỹ đầu tư phát triển của Công ty với số tiền là 408.386 triệu VND về lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024: không) (Thuyết minh 23).

26. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Trong vòng một năm	5.098.055.510	5.098.055.510
Từ hai đến năm năm	25.490.170.798	25.490.156.239
Sau năm năm	109.611.399.651	112.160.441.966
	140.199.625.959	142.748.653.715

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Ngoại tệ

	30/6/2025		1/1/2025	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	389.322	10.116.905.655	-	-

27. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	845.046.351.913	575.306.928.132
▪ Cung cấp dịch vụ	3.611.708.623	58.942.950.770
▪ Doanh thu khác	265.630.269	1.132.834.908
	848.923.690.805	635.382.713.810

28. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Thành phẩm đã bán	781.311.650.307	547.304.227.480
Dịch vụ đã cung cấp	2.399.529.884	56.212.030.233
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho và thiết bị, vật tư và phụ tùng thay thế dài hạn	21.556.638.291	-
Giá vốn khác	133.663.234	1.419.058.435
	805.401.481.716	604.935.316.148

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

29. Doanh thu hoạt động tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Thu nhập từ phân phối lợi nhuận và cổ tức	25.900.518.682	13.248.873.796
Thu nhập lãi từ tiền gửi ngân hàng và cho vay	8.422.815.045	391.586.577
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	853.706.793	929.008.991
	<hr/>	<hr/>
	35.177.040.520	14.569.469.364
	<hr/>	<hr/>

30. Chi phí tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Chi phí lãi vay	8.370.717.797	8.689.732.582
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	107.894.736.842
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	-	60.761.678.945
Chi phí tài chính khác	6.014.416	46.878.388
	<hr/>	<hr/>
	8.376.732.213	177.393.026.757
	<hr/>	<hr/>

31. Chi phí bán hàng

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ và dụng cụ	5.389.834.763	8.082.916.728
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.317.433.000	1.927.258.661
Chi phí bán hàng khác	77.083.854	279.584.572
	<hr/>	<hr/>
	7.784.351.617	10.289.759.961
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

32. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Chi phí nhân viên	6.205.062.056	5.614.153.178
Chi phí khấu hao và phân bổ	3.000.891.477	3.219.423.072
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.638.337.185	1.195.526.634
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ và dụng cụ	949.503.721	478.960.402
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.049.814.640	1.033.119.984
	12.843.609.079	11.541.183.270

33. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	703.987.725.662	511.698.213.707
Chi phí nhân công và nhân viên	36.527.067.906	28.293.286.358
Chi phí khấu hao và phân bổ	42.397.499.242	43.957.125.957
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.367.344.129	25.188.169.596
Chi phí khác	13.749.805.473	17.629.463.761

34. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	49.758.696.349	(154.209.774.554)
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	9.951.739.270	(30.841.954.911)
Thu nhập được miễn thuế	(5.180.103.736)	(2.649.774.759)
Chi phí không được khấu trừ thuế	228.015.686	-
Lỗ tính thuế được sử dụng	(9.310.978.878)	-
Thay đổi trong tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	4.311.327.658	33.491.729.670
	-	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	30/6/2025		1/1/2025	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND
Các chênh lệch tạm thời được khấu trừ	21.556.638.291	4.311.327.658	-	-
Lỗi tính thuế	475.189.722.466	95.037.944.493	521.744.616.856	104.348.923.371
	496.746.360.757	99.349.272.151	521.744.616.856	104.348.923.371

Lỗi tính thuế hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Lỗi tính thuế được khấu trừ VND
2027	Chưa quyết toán	14.778.483.253
2028	Chưa quyết toán	90.409.193.285
2029	Chưa quyết toán	370.002.045.928
		475.189.722.466

(c) Thuế suất áp dụng

Theo Luật Thuế thu nhập Doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.



Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

35. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau:

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	30/6/2024
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn		
Bán thành phẩm (không bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	737.678.368.462	447.539.308.362
Bán nguyên vật liệu	115.000.667	-
Cung cấp dịch vụ	100.295.000	-
Mua nguyên vật liệu	573.661.095.501	348.937.087.800
Mua thiết bị	300.207.000	-
Cổ tức đã trả	-	7.186.150.000
Các công ty con		
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Bia Sài Gòn Bình Tây		
Bán thành phẩm (không bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	17.516.909.803	21.820.996.435
Bán nguyên vật liệu	27.272.728	-
Công ty TNHH Bia Sài Gòn - Ninh Thuận		
Bán thành phẩm	6.894.640	1.007.059.130
Bán nguyên vật liệu	14.013.200	-
Mua hàng hóa	-	3.419.274.000
Cho vay	144.000.000.000	125.000.000.000
Thu nhập lãi	8.270.849.315	-
Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn - Phú Lý		
Mua hàng hóa	-	2.734.496.000
Lợi nhuận được chia	165.000.000.000	10.598.855.296
Các bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao bì Sài Gòn		
Bán thành phẩm	-	10.000.000
Mua vật liệu bao bì	36.365.212.827	35.649.369.748
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây		
Chi phí thuê đất	2.058.373.213	3.120.525.256
Cổ tức đã trả	-	2.760.000.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi		
Thu nhập từ cổ tức	1.166.667.000	1.750.000.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội		
Thu nhập từ cổ tức	900.018.000	900.018.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn		
Cung cấp dịch vụ	1.150.629.297	-
Phí thuê pallet	223.189.220	-
Công ty TNHH Một Thành viên Cơ khí Sa Be Co		
Mua hàng hóa	579.728.450	-
Mua dịch vụ	8.600.000	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Lâm Đồng		
Mua hàng hóa	54.441.000	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long		
Mua hàng hóa	32.361.000	-
Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương		
Mua hàng hóa	6.177.279	-
Công ty TNHH MM Mega Market (Việt Nam)		
Mua dịch vụ	1.292.879	-
Mua hàng hóa	102.963	2.766.696
Hội đồng Quản trị		
Thù lao		
Ông Tan Teck Chuan Lester	32.000.000	-
Ông Lâm Du An	28.000.000	-
Ông Văn Thảo Nguyên	36.000.000	36.000.000
Ông Đình Quang Hải	36.000.000	36.000.000
Bà Phạm Thị Thanh Thùy	24.000.000	-
Ông Văn Thanh Liêm	16.000.000	48.000.000
Ông Đình Văn Thuận	12.000.000	36.000.000
Ông Phạm Tấn Lợi	12.000.000	36.000.000
Ông Đặng Thái	-	36.000.000
Ông Nguyễn Tiến Dũng	-	36.000.000
Ban Giám đốc		
Lương và thưởng	1.880.000.000	1.620.000.000
Ban Kiểm soát		
Thù lao	74.000.000	54.000.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

36. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh khác tại ngày 1 tháng 1 năm 2025 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024. Thông tin so sánh cho giai đoạn sáu tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

Ngày 24 tháng 9 năm 2025

Người lập:



Hoàng Lan Hương
Kế toán

Người duyệt:



Ngô Việt Hà
Kế toán Trưởng



Lee Chio Lim Larry
Tổng Giám đốc

